Thông báo nộp thuế liên quan đến Thuế tài sản cố định và Thuế quy hoạch đô thị

Nếu bạn sở hữu đất hoặc nhà ở trong Thành phố Saitama tính đến ngày 1 tháng 1, bạn phải nộp Thuế tài sản cố định và Thuế quy hoạch đô thị.

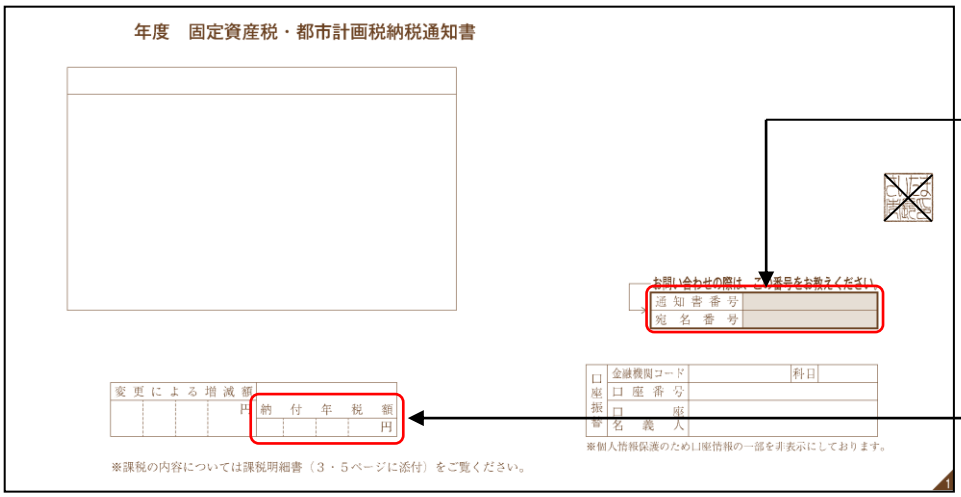
年度　固定資産税・都市計画税納税通知書

お問い合わせの際は、この番号をお教えください
通知書番号
宛名番号
変更による増減額
円
納付年税額
円
口座振替
金融機関コード
科目
口座番号
口座名義人
※個人情報保護のため口座情報の一部を非表示にしております。
※課税の内容については課税明細書（3・5ページに添付）をご覧ください。

① Khi gọi điện để hỏi thắc mắc, vui lòng cung cấp số này.
Lưu ý: Chỉ có thể giúp bằng tiếng Nhật.

② Tổng số tiền Thuế tài sản cố định và Thuế quy hoạch đô thị cho cả năm.

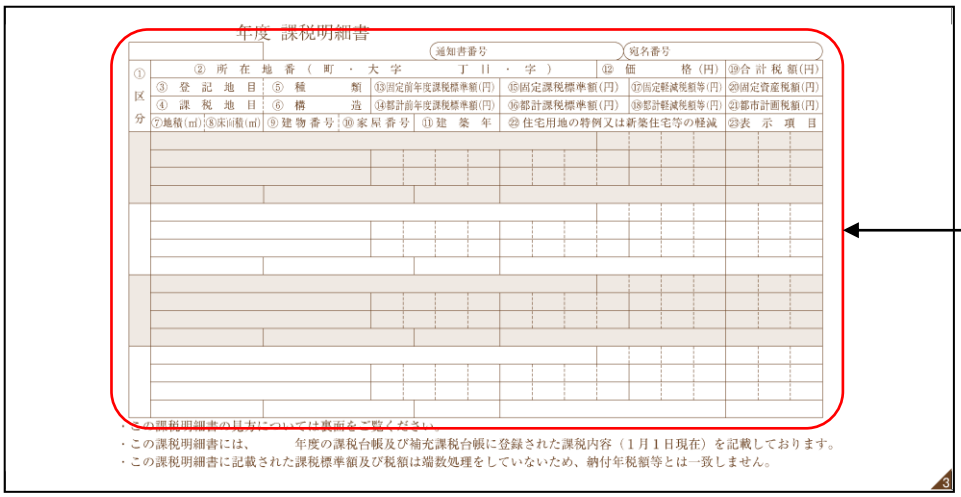
年度　課税明細書

通知書番号
宛名番号
区分
②所在地番（町・大字　丁目・字）
⑫価格（円）
⑲合計税額（円）
③登記地目
⑤種類
⑬固定前年度課税標準額（円）
⑮固定課税標準額（円）
⑰固定軽減税額等（円）
⑳固定資産税額（円）
④課税地目
⑥構造
⑭都計前年度課税標準額（円）
⑯都計課税標準額（円）
⑱都計軽減税額等（円）
㉑都市計画税額（円）
⑦地積（㎡）
⑧床面積（㎡）
⑨建物番号
⑩家屋番号
⑪建築年
㉒住宅用地の特例又は新築住宅等の軽減
㉓表示項目
・この課税明細書の見方については裏面をご覧ください。
・この課税明細書には、　年度の課税台帳及び補充課税台帳に登録された課税内容（1月1日現在）を記載しております。
・この課税明細書に記載された課税標準額及び税額は端数処理をしていないため、納付年税額等とは一致しません。

③ Thông tin chi tiết về đất và địa ốc sở hữu tính đến ngày 1 tháng 1 được ghi tại đây.

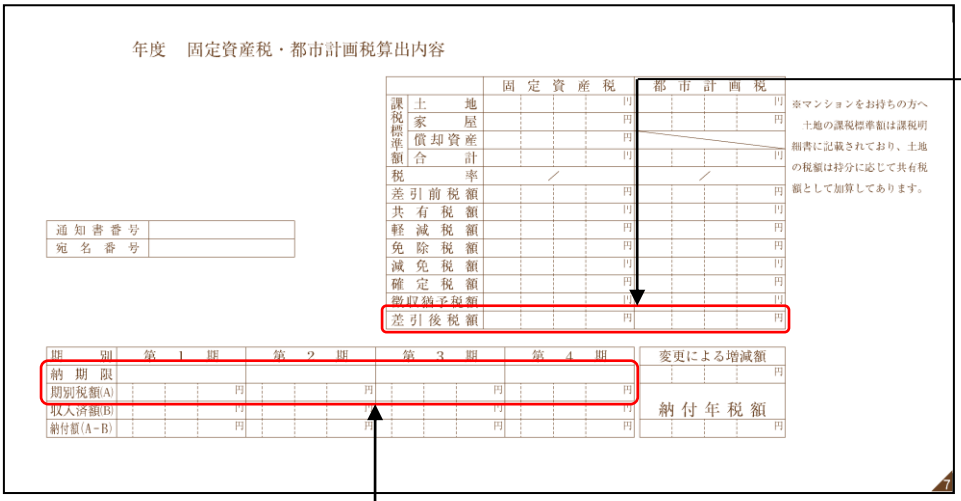
年度　固定資産税・都市計画税算出内容

通知書番号
宛名番号
固定資産税
都市計画税
課税標準額
土地
家屋
償却資産
合計
税率
差引前税額
共有税額
軽減税額
免除税額
減免税額
確定税額
徴収猶予税額
差引後税額
※マンションをお持ちの方へ
土地の課税標準額は課税明細書に記載されており、土地の税額は持分に応じて共有税額として加算してあります。
期別
第1期
第2期
第3期
第4期
変更による増減額
納期限
期別税額(A)
収入済額(B)
納付額(A-B)
納付年税額

④ Số tiền riêng cho Thuế tài sản cố định và Thuế quy hoạch đô thị của bạn.

⑤ Thuế tài sản cố định và Thuế quy hoạch đô thị được chia thành 4 kỳ để nộp dựa trên tổng số tiền ở mục ②. Tại đây ghi rõ số tiền cần nộp cho từng kỳ và hạn nộp tương ứng.